

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01/8/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1985. Đăng ký HKTT: Đội 3, thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện cư trú tại: Đội 15, thôn T, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/7/2022, bản tự khai ngày 01/8/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đặng Văn H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 19/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H tại

thôn V, xã H, huyện K. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm. Mậu thuận vợ chồng bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2022 đến tháng 4/2022 trở lên căng thẳng do P cách sống không còn phù hợp, anh H nghi ngờ chị sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 4/2022, chị phải bỏ về ở nhờ nhà cha mẹ đẻ tại đội 15, thôn T, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Gia đình chị có khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành do từ khi chị bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở, anh H và gia đình anh H không ai quan tâm, không tìm hoặc gọi điện cho chị để động viên, hòa giải mặc dù chị vẫn thường về nhà bố mẹ anh H để thăm các con. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con gồm Đặng Trung H1, sinh ngày 10/4/2012 và Đặng Thành P, sinh ngày 20/11/2018. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng cho con, chị tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn H vắng mặt tại phiên tòa, theo lời trình bày và yêu cầu của chị D; Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh H nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Đình T1 là trưởng thôn V để giao lại cho anh H, anh H đều đã nhận được nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh H bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D, cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Đặng Văn H.

Về con chung: Giao cả 02 con gồm cháu Đặng Trung H1, sinh ngày 10/4/2012 và cháu Đặng Thành P, sinh ngày 20/11/2018 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị D có đơn xin ly hôn, nhận nuôi 01 con chung sau khi ly hôn đối với anh Đặng Văn H bị đơn có nơi cư trú tại đội 3, thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng, anh H không đồng ý nên không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Được xác định, đây là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chị D, anh H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K năm 2011. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 11 năm. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2022 đến tháng 4/2022 trở lên trầm trọng do P cách không còn phù hợp, anh H nghi ngờ chị D sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

mắng, xúc phạm nhau. Từ tháng 4/2022, chị D phải bỏ về ở nhờ nhà cha mẹ đẻ tại đội 15, thôn T, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng do cảm thấy chung sống tại gia đình nhà chồng bị áp lực rất nhiều về tinh thần. Hai bên gia đình, thôn xóm đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng không thành. Từ tháng 4/2022 đến nay, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp với các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, chị D đồng ý để cả 02 con gồm cháu Đăng Trung H1, sinh ngày 10/4/2012 và cháu Đăng Thành P, sinh ngày 20/11/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị D, thông tin xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H và gia đình hai bên đương sự, thể hiện anh H có chỗ ở, việc làm ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 15.000.000 đồng. Khi chị D bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở, 02 cháu đều được anh H nuôi dưỡng đảm bảo, đầy đủ điều kiện cho các cháu sinh hoạt, học tập và chỗ ở ổn định. Ngoài ra, anh H còn có sự giúp đỡ của cha mẹ đẻ trong việc chăm sóc cho các cháu H1, P hàng ngày khi anh đi làm. Cháu H1 có nguyện vọng ở với anh H khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cả 02 con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị D không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn anh Đặng Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Trung H1, sinh ngày 10/4/2012 và cháu Đặng Thành P, sinh ngày 20/11/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị D không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2021, số 0001731 ngày 01/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị D đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã H, huyện K, HP;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng